TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-PT
Ngày: 29-01-2024
Về việc: "Tranh chấp về giao dịch dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Lệ Thu - Ông Hoàng Ngọc Tùng

Thư ký phiên toà: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 28/12/2023 và ngày 29/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp về giao dịch dân sự*" do có kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH X đối với bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2023/QĐXX-PT ngày 13/12/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐ-TA ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH X; địa chỉ trụ sở: số D A15 N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ hiện tại: 215/129 N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phương T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty *(Có mặt)*.

- *Bị đơn*: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: số C H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đại D, chức vụ: Phó Giám đốc ngân hàng TMCP Đ chi nhánh H (*Có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty cổ phần T2; địa chỉ: số E N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Tiến T1, chức vụ: Phó Giám đốc (*Có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Phương T *trình bày:*

Công ty TNHH X (sau đây gọi là Công ty X) và Công ty Cổ phần T2 (sau đây gọi là Công ty T2) ký kết với nhau hợp đồng kinh tế số: 11/2016/HĐKT-VN1 ngày 08/12/2016 và phụ lục hợp đồng số: 18/2017/PLHĐKT-VN1 ngày 08/12/2017. Theo đó, Công ty T2 thuê Công ty X tổ chức nhân công, máy thi công, các thiết bị dụng cụ, vật tư vật liệu để xây dựng hoàn thiện dự án: Kiểm soát và giảm rủi ro vùng lũ xây dựng mới cống (Lộ H, B, Đ - C, B và Cây M). Giá trị hợp đồng ban đầu là: 21.327.823.000 đồng sau đó nâng lên là 22.362.400.000 đồng. Ngày 16/02/2017, Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi là Ngân hàng B) - chi nhánh H - phòng G đã ban hành văn bản cam kết bảo lãnh số: 26/BIDV.HT-PGDHL gửi Công ty X với nội dung đồng ý cung cấp cam kết giải ngân 100% giá trị hợp đồng.

Thực hiện đúng nội dung hợp đồng Công ty X đã thi công công trình đúng như quy định. Quá trình thi công, Chủ đầu tư đã thanh toán cho Công ty VN1 qua tài khoản của Công ty T2 mở tại Ngân hàng B với số tiền là 19.444.090.313 đồng. Tuy nhiên, Công ty T2 mới chuyển cho Công ty X bằng tài khoản tại Ngân hàng B với số tiền: 13.930.600.000 đồng. Số tiền này không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng và bản cam kết bảo lãnh của Ngân hàng B là thanh toán 90% số tiền mà chủ đầu tư chuyển về tài khoản của Công ty T2 tại Ngân hàng B chi nhánh H và Ngân hàng B chi nhánh H phải chuyển trả cho Công ty X. Công ty Cổ phần T2 VN1 giữ lại 10% giá trị, trong đó: 5% giá trị sẽ thanh toán vào đợt tổng nghiệm thu, 5% còn lại giữ bảo hành công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư. Sau đó, Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty X thông qua Ngân hàng N số tiền còn lại. Công ty T2 còn nợ Công ty X số tiền 406.283.363 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty X số tiền 100.000.000 đồng. Nay Công ty Nguyễn Lê P yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng B thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 306.283.363 đồng và số tiền lãi 379.641.153 đồng, tổng cộng là 685.924.516 đồng theo Văn bản cam kết bảo lãnh mà Ngân hàng B đã ban hành.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Đại D *trình bày*:

Nếu Công ty X yêu cầu Ngân hàng B trả nợ thì phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Ngân hàng B có nợ Công ty X.

Văn bản số 26/BIDV.HT-PGDHL ngày 16/02/2017 của Phòng G thuộc Ngân hàng B chi nhánh H về việc cam kết thực hiện giải ngân thanh toán công nợ cho Công ty X khi Công ty T2 có đề nghị thanh toán không phải là hợp đồng bảo lãnh hay chứng thư bảo lãnh, không thực hiện đúng thẩm quyền và không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tiến T1 *trình bày:*

Về việc ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng giữa Công ty T2 và Công ty X như người đại diện của nguyên đơn trình bày là đúng. Theo Hợp đồng thi công đã ký kết thì Công ty T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X số tiền 22.362.400.000 đồng. Tính đến ngày xét xử, Công ty T2 đã chuyển trả cho Công ty X số tiền 22.418.991.861 đồng, trong đó số tiền 22.362.400.000 đồng theo hợp đồng thi công công trình nói trên đã chuyển đủ, nay Công ty T2 còn nợ công ty X số tiền 306.283.363 đồng là tiền vay giữa 2 công ty, không liên quan đến hợp đồng nói trên, số tiền này Công ty VN1 sẽ thanh toán hết cho Công ty X trong năm 2023. Về khoản tiền lãi Công ty VN1 không chấp nhận thanh toán. Khoản nợ của Công ty VN1 không thuộc trách nhiệm của Ngân hàng B, Công ty T2 và Ngân hàng B không ký kết hợp đồng bảo lãnh nên Công ty T2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn..

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số số 05/2023/DS-ST ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự; điểm b, khoản 12, Điều 3 Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015; khoản 6 Điều 3 Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành kèm theo Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1, 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X về việc buộc bị đơn Ngân hàng TMCP Đ thanh toán số tiền 685.924.516 đồng mà Công ty Cổ phần T2 còn nợ của Công ty TNHH X.

Buộc nguyên đơn Công ty TNHH X phải chịu 31.436.000 đồng asn phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001206 ngày 03/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2023, ông Nguyễn Phương T là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bùi Tiến T1 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần T2 VN1 khẳng định số tiền mà nguyên đơn khởi kiện đòi Ngân hàng TMCP Đ phải thanh toán cho nguyên đơn nói trên là số tiền mà Công ty cổ phần T2 còn nợ Công ty TNHH X chứ không liên quan gì đến Ngân hàng B và số nợ này là nợ riêng giữa hai bên trong quá trình hoạt động thực hiện công việc chứ không nằm trong hợp đồng số 11 ngày 08/12/2016 và phụ lục hợp đồng số 18 ngày 08/12/2017 mà hai bên đã ký kết với nhau. Ông Nguyễn Phương T cũng thừa nhận điều đó. Vì vậy người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phương T và người đại diện theo ủy quyền của người liên quan Công ty cổ phần T2 VN1 là ông Bùi Tiến T1 thống nhất đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để hai bên thanh toán nợ cho nhau. Hội đồng xét xử tại Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐ-TA ngay 28/12/2023 đã chấp nhận đề nghi của các đương sự và tạm ngừng phiên tòa trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 18/12/2023 và ấn định thời gian phiên tòa tiếp tục xét xử vào ngày 29/01/2024. Tuy nhiên đến hết ngày 28/01/2024 các bên không thực hiện được việc thanh toán nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tai phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự; phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Xét kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định, nên được xem xét.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty X với bị đơn Ngân hàng B chi nhánh H về việc yêu cầu Ngân hàng B thanh toán nợ gốc và lãi mà Công ty T2 còn nợ theo văn bản cam kết bảo lãnh do phòng giao dịch thị xã G thuộc Ngân hàng B ban hành là tranh chấp liên quan đến hợp đồng bảo lãnh. Tuy nhiên do Văn bản số 26/BIDV.HT-PGDHL ngày 16/02/2017 của Phòng G thuộc B chi nhánh H ban hành là hành vi pháp lý đơn phương không phải hợp đồng bảo lãnh nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp về giao dịch dân sự*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà tĩnh là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung kháng cáo*: Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá toàn diện các vấn đề liên quan đến việc giải quyết tranh chấp của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về nội dung tranh chấp:* Nguyên đơn cho rằng Văn bản số 26/BIDV.HT-PGDHL ngày 16/02/2017 của Phòng G thuộc Ngân hàng B chi nhánh H là cam kết bảo lãnh nên Ngân hàng B có trách nhiệm thanh toán nợ thay cho công ty VN1:

Về nội dung bảo lãnh, khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự quy định: "*Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.*"; điểm b, Khoản 12, Điều 3 Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 quy định: "***Hợp đồng bảo lãnh*** *là văn bản thỏa thuận giữa bên bảo lãnh với bên nhận bảo lãnh và các bên có liên quan (nếu có) về việc bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh.*"; khoản 6 Điều 3 Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành kèm theo Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định: "*Chứng thư bảo lãnh: Là cam kết đơn phương bằng văn bản của bên bảo lãnh với bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không trả hoặc trả không đầy đủ, đúng*

hạn nợ vay đã cam kết với bên nhận bảo lãnh, phù hợp với quy định tại hợp đồng bảo lãnh".

Xét văn bản số 26/BIDV.HT-PGDHL ngày 16/02/2017 của Phòng G, đây là hành vi pháp lý đơn phương, không phải là sự thoả thuận được ký kết giữa hai hay nhiều bên nên theo quy định tại điều 385 Bộ luật Dân sự văn bản trên không phải là hợp đồng. Về nội dung, Phòng G thuộc Ngân hàng B chi nhánh H chỉ cam kết giải ngân với nội dung: Công ty V sẽ thanh toán cho Công ty X chứ không có nội dung cam kết nào thể hiện về việc Ngân hàng B sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán, trả nợ thay cho Công ty VN1 khi Công ty T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, đúng hạn số tiền theo hợp đồng mà Công ty X và Công ty T2 đã ký kết với nhau. Ngân hàng B chỉ thực hiện được việc thanh toán khi có ủy nhiệm chi của Công ty T2. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự; điểm b, Khoản 12, Điều 3 Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015;khoản 6 Điều 3 Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành kèm theo Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 14 Điều 3 Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 của Ngân hàng N1 thì văn bản số 26/BIDV.HT-PGDHL ngày 16/02/2017 của Phòng G, không phải là hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh hay cam kết bảo lãnh giữa các bên. Do đó, Ngân hàng B không có trách nhiệm phải thanh toán khoản nợ cho công ty N2 cho công ty T2.

Bên cạnh đó, tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty X và Công ty T2 đều thừa nhận: Số tiền Công ty T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X theo hợp đồng kinh tế đã ký kết là 22.362.400.000 đồng. Tính đến phiên tòa phúc thẩm, Công ty T2 đã chuyển trả cho Công ty X số tiền 22.418.991.861 đồng, trong bao gồm toàn bộ số tiền 22.362.400.000 đồng theo Hợp đồng thi công công trình. Nay Công ty T2 còn nợ Công ty X số tiền 306.283.363 đồng là tiền Công ty T2 vay Công ty X để thực hiện một số công việc liên quan đến công trình nói trên nhưng không được thỏa thuận trong Hợp đồng thi công, các phụ lục Hợp đồng và không thuộc nội dung của Hợp đồng. Do đó, đối với số tiền nợ còn lại, nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Nguyễn Lê P thuộc về Công ty T2, Ngân hàng B không liên quan đến số nợ này và không có nghĩa vụ phải trả nợ cho Công ty X.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với nội dung buộc Ngân hàng B thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 306.283.363 đồng và số tiền lãi 379.641.153 đồng, tổng cộng là 685.924.516 đồng theo Văn bản cam kết bảo lãnh mà Ngân hàng B đã ban hành là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn Công ty X không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phương T, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH X đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự 2015; điểm b, khoản 12, Điều 3 Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015; khoản 6 Điều 3 Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành kèm theo Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 14 Điều 3 Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 của Ngân hàng N1; khoản 1 Điều 147, Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; điểm b, c khoản 1 Điều 24, khoản 1, 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X về việc buộc bị đơn Ngân hàng TMCP Đ thanh toán số tiền 685.924.516 đồng mà Công ty Cổ phần T2 còn nợ của Công ty TNHH X.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Buộc nguyên đơn Công ty TNHH X phải chịu 31.436.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001206 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh). Công ty TNHH X còn phải nộp 31.136.000 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty TNHH X phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm (Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001286 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh).

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Tòa án, THADS cấp sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Khắc Hoàng